

SỰ THÍCH ỨNG VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN VÙNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI: PHÁC THẢO TỪ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

Nguyễn Đức Chiện¹, Hoàng Tuyết Mai^{2*}

¹Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

²Khoa Văn hoá, Trường Đại học Hạ Long

* Email: hoangtuyetmai@daihochalong.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/07/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 12/10/2023

Ngày chấp nhận đăng: 25/10/2023

TÓM TẮT

Văn hóa cộng đồng là bản sắc, là giá trị cốt lõi của mỗi cộng đồng xóm làng Việt Nam cho dù đó là vùng đồng bằng hay vùng biển. Việc hình thành văn hóa này bắt nguồn từ điều kiện lịch sử và cuộc sống sinh tồn mấy ngàn năm của mỗi cộng đồng làng xã mà không dễ bị đồng hóa trước mọi thế lực bên ngoài, được tiếp biến và duy trì cho đến ngày nay. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, sự thích ứng của văn hóa cộng đồng cư dân biển đảo Việt Nam đối diện với những khó khăn, thách thức và khiến cho đời sống của họ gặp không ít trở ngại. Dựa vào nguồn tài liệu thứ cấp và kết quả khảo sát định tính quan sát tại 6 xã trong mẫu khảo sát thuộc đề tài “Sinh kế của cư dân ven biển trước tác động của biến đổi khí hậu” được khảo sát tại ba tỉnh Quảng Ninh, Quảng Nam và Cà Mau do Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam thực hiện năm 2021 – 2022, bài viết tìm hiểu khả năng thích ứng (cơ hội, thách thức) văn hóa cộng đồng của cư dân biển đảo và đưa ra một số bàn luận nhằm định hướng nghiên cứu để thay đổi nhận thức và hướng đến nâng cao tính thích ứng văn hóa cộng đồng trong mọi hoạt động cuộc sống thường ngày của cư dân biển đảo trước những diễn biến khó lường của bối cảnh mới.

Từ khóa: bối cảnh mới, cư dân biển đảo, thích ứng, văn hóa cộng đồng.

CULTURAL ADAPTATION OF A VIETNAMESE ISLAND COMMUNITY IN A NEW CONTEXT: AN ILLUSTRATION BASED ON QUALITATIVE RESEARCH FINDINGS

ABSTRACT

Community culture, whether in the delta or on the coast, serves as the identity and expresses the fundamental principles of every Vietnamese village. This distinct culture has been continued and preserved to this day through thousands of years as a result of the historical circumstances and daily survival of each village community. However, Vietnamese island people face difficulties and challenges when they adjust their culture and acculturated to a new environment, which makes life difficult for them. Based on secondary data sources and findings from a qualitative survey of six communities conducted by the Vietnam Academy of Social Sciences in 2021–2022 in the three provinces of Quang Ninh, Quang Nam, and Ca Mau with the theme of "Livelihoods of coastal residents under the influence of climate change" in light of the emergence of new, unanticipated situations of cultural adaptation (opportunity for unity, challenge), this article applies community culture to all aspects of the islanders' daily lives.

Keywords: adaptation, communal culture, new context, sea and island people.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cộng đồng là một tập hợp dân cư sinh sống trên cùng một lãnh thổ, có ý thức, tình cảm về sự thống nhất và khả năng tham gia những hoạt động mang tính tập thể (Nguyễn Đức Chiện, 2019). Bởi tùy thuộc vào “ý thức, tình cảm về sự thống nhất” và “khả năng tham gia mang tính tập thể” nên có thể có nhiều kiểu loại cộng đồng khác nhau, tùy theo cách phân chia, như phân chia theo sở thích (cộng đồng thiện nguyện, cộng đồng những người yêu thích động vật,...), theo hoạt động nghề nghiệp (cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng giáo viên,...), theo mối quan hệ ruột thịt (cộng đồng gia đình, dòng tộc,...), theo lĩnh vực hoạt động chính trị (đảng phái, các tổ chức chính trị – xã hội,...), v.v.. Ngày nay, trong bối cảnh xã hội mới, với sự mở rộng không gian tương tác của con người do tác động của toàn cầu hóa, công nghệ thông tin, cá nhân có thể gia nhập vào nhiều loại hình cộng đồng khác nhau, đa dạng hơn, kể cả cộng đồng mạng internet (facebook, zalo, twitter,...). Từ cộng đồng mạng internet lại có thể phân chia theo cộng đồng sở thích, cộng đồng nghề nghiệp,... Các nhà nghiên cứu cho rằng, ở Việt Nam, các nhóm cộng đồng sớm được hình thành và gắn chặt với đặc trưng chính trị, kinh tế, xã hội truyền thống, đóng vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển, tạo nên bản sắc và tính cộng đồng của mỗi địa phương (Nguyễn Đức Chiện, 2021). Văn hóa cộng đồng là bản sắc cốt lõi được duy trì mấy ngàn năm của làng xã ở Việt Nam, được nhiều nhà nghiên cứu đề cập trong các công trình nghiên cứu (Mai Văn Hai, 2000; Nguyễn Đức Chiện, 2015; Nguyễn Hồng Phong, 1978; Nguyễn Văn Huyền, 2003; Phan Đại Doãn, 2006; Trần Đình Hượu, 1996). Đây cũng là chủ đề kinh điển trong giới nghiên cứu lịch sử, chính trị, văn hóa, xã hội Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Khi bàn về văn hóa cộng đồng, nhóm tác giả Đỗ Long và Trần Hiệp cho rằng “Tính cộng đồng là một đặc trưng tâm lý xã hội của nhóm, thể hiện năng lực phối hợp, kết hợp ở sự thống nhất của các thành viên trong hành động làm cho các quan hệ qua lại của hoạt động diễn ra một cách nhịp nhàng nhất” (Đỗ Long & Trần Hiệp, 2000, tr 47). Nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm cũng cho rằng

đặc trưng số một của mỗi làng xã ở Việt Nam là tính cộng đồng. Ông nhấn mạnh rằng, những người sống gần nhau có xu hướng liên kết chặt chẽ với nhau và sản phẩm của lối liên kết này là làng, xóm. Ông giải thích rằng: “Thứ nhất, để đáp ứng nhu cầu đối phó với môi trường tự nhiên, nhu cầu của nghề trồng lúa nước mang tính thời vụ cần đông người, người dân Việt Nam truyền thống không chỉ đẻ nhiều mà còn cần liên kết chặt chẽ với nhau (làm đôi công). Thứ hai, để đối phó với môi trường xã hội (nạn trộm, cướp,...) cả làng phải hợp sức mới có hiệu quả” (Trần Ngọc Thêm, 2001, tr 180–183). Một số tác giả gần đây khi nghiên cứu văn hóa cộng đồng tập trung tìm hiểu những yếu tố bên trong địa phận của cộng đồng đó (nội tại) như: hôn nhân, tang ma, thờ cúng,... Những khía cạnh này được thể hiện trong văn hóa thường ngày, tín ngưỡng, lễ nghi từ truyền thống đến hiện đại. Đặc biệt, những nghiên cứu về nội dung của văn hóa cộng đồng thường làm rõ sự biến đổi của yếu tố đó trong cộng đồng hoặc thực trạng của nó như thế nào. Mỗi nghiên cứu sẽ có những đóng góp nhất định cho nghiên cứu chung (Bùi Thị Kim Chi, 2022).

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu có góc nhìn theo các hướng tiếp cận khác nhau nhưng đều thống nhất nhận định “văn hóa cộng đồng” là bản sắc và là giá trị cốt lõi của mỗi cộng đồng xóm làng Việt Nam cho dù đó là vùng đồng bằng hay vùng biển. Điều đáng quan tâm là việc hình thành văn hóa đặc sắc này bắt nguồn từ điều kiện lịch sử và cuộc sống sinh tồn mấy ngàn năm của mỗi cộng đồng làng xã mà không dễ bị đồng hóa trước mọi thế lực bên ngoài, được tiếp biến và duy trì cho đến ngày nay. Trong suốt chiều dài lịch sử, cư dân Việt từ xóm – làng – nước luôn cố kết thành cộng đồng cùng mưu sinh và đối phó với rủi ro, bảo đảm an toàn trong cuộc sống thường ngày. Mỗi cá nhân trong cộng đồng hay nhóm xã hội tham gia và thể hiện năng lực phối hợp, thống nhất của các thành viên trong hành động làm cho các quan hệ qua lại của hoạt động diễn ra một cách nhịp nhàng nhất, thể hiện trên mọi mặt hoạt động của cộng đồng xóm làng như trong hoạt động kinh tế mưu sinh, tổ chức xã hội trong xóm làng, các sinh hoạt văn hóa và hoạt động chế ngự thiên nhiên, phòng chống giặc ngoại xâm, đảm bảo an ninh cộng đồng, v.v..

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận cấu thành chủ quyền quốc gia, là không gian sinh tồn, tổ chức xã hội và sinh hoạt văn hóa của các cộng đồng dân cư, là biên giới lãnh thổ và cửa ngõ giao lưu quốc tế, đặc biệt gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ ngàn xưa, biển đảo là không gian sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam, là chỗ dựa sinh kế cho hàng chục triệu cư dân sinh sống trong các vùng đất ven biển và hải đảo. Văn hóa cộng đồng của cư dân biển đảo không chỉ phản ánh bản sắc mỗi xóm làng mà còn là những giá trị quan trọng chi phối định hướng hành vi ứng xử của mỗi cá nhân, nhóm dân cư trong cuộc sống thường ngày ở cấp độ gia đình, dòng họ, xóm làng. Họ thích ứng và sắp xếp cuộc sống hòa chung vào môi trường tự nhiên, không gian sinh tồn và tổ chức cuộc sống cộng đồng. Ở đó là sự tham gia của mỗi thành viên trong gia đình, dòng họ, xóm làng vào các hoạt động kinh tế mưu sinh, tổ chức xã hội, các sinh hoạt văn hóa và hoạt động chế ngự thiên nhiên, phòng chống giặc ngoại xâm, đảm bảo an ninh cộng đồng, v.v. để thông qua những quan hệ và tương tác này mang lại những kết quả và giá trị mà mỗi cá nhân, nhóm cộng đồng dân cư biển đảo mong đợi trong quá trình phát triển đất nước.

Tuy nhiên, trong bối cảnh mới liên quan đến biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, cạnh tranh biển đảo giữa các quốc gia, v.v. dẫn đến sự thích ứng của văn hóa cộng đồng cư dân biển đảo Việt Nam đối diện với những khó khăn, thách thức và khiến cho đời sống của họ gặp không ít khó khăn: thay đổi sinh kế, thu nhập bấp bênh, di cư, bỏ nghề và quê hương, môi trường sinh thái, an ninh, an toàn trong cuộc sống bị đe dọa, v.v.. Thực tiễn này khiến vấn đề nghiên cứu về tính cộng đồng và bản sắc cộng đồng cư dân vùng biển đảo Việt Nam đang diễn ra như thế nào là rất cấp thiết và hữu ích đối với phát triển bền vững cộng đồng vùng ven biển nước ta. Bài viết này tìm hiểu khả năng thích ứng (cơ hội, thách thức) văn hóa cộng đồng của cư dân biển đảo và đưa ra một số bàn luận nhằm định hướng nghiên cứu để có nhận thức mới và hướng đến nâng cao tính thích ứng văn hóa cộng đồng trong mọi hoạt động cuộc sống thường ngày của cư dân biển đảo trước những diễn biến khó lường của bối cảnh mới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết dựa vào nguồn tài liệu thứ cấp và giới hạn kết quả khảo sát định tính với 25 cuộc phỏng vấn và quan sát trong quá trình khảo sát tại 6 xã trong mẫu khảo sát thuộc đề tài “*Sinh kế của cư dân ven biển trước tác động của biến đổi khí hậu*” được khảo sát tại 3 tỉnh Quảng Ninh, Quảng Nam và Cà Mau do Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam thực hiện năm 2021 – 2022, tác giả bài viết là thành viên đề tài. Các quan sát được tác giả ghi chép và tổng hợp trong quá trình thực địa và phỏng vấn tại các hộ gia đình trong mẫu khảo sát. Nguồn dữ liệu của đề tài là rất phong phú, tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này chỉ giới hạn phân tích các phỏng vấn sâu và quan sát mang tính phát hiện vấn đề, các vấn đề còn bỏ ngỏ cần tiếp tục được phân tích sâu hơn ở các tư liệu định lượng, định tính của đề tài và gợi mở hướng quan tâm nghiên cứu cho các đề tài tiếp theo.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng thích ứng văn hóa cộng đồng cư dân biển đảo trong cuộc sống thường ngày, trong hoạt động sinh kế và bảo vệ hệ sinh thái môi trường biển đảo

Cộng đồng cư dân vùng biển đảo được hưởng lợi nguồn lực sinh kế từ những hệ sinh thái cho năng suất cao, đa dạng về sản phẩm nông lâm thủy hải sản nhưng cũng rất nhạy cảm và dễ bị tổn thương trong bối cảnh mới hiện nay. Đây là nơi tập trung đông dân cư với các hoạt động kinh tế đa dạng. Trong điều kiện phát triển kinh tế mở và khả năng chinh phục biển ngày càng lớn, có thể nói đây là khu vực đã và đang thu hút đầu tư rất mạnh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét, ngày càng phức tạp. Nền kinh tế phát triển năng động nhưng cũng đang gặp rất nhiều khó khăn và thách thức.

Từ xa xưa cho đến nay, vùng biển đảo Việt Nam có mối quan hệ mật thiết và vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống con người, cũng như sự phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh và bảo vệ môi trường sống an toàn cho mỗi cộng đồng. Mỗi người dân hay cả cộng đồng khi tham gia vào khai thác đều nhận thức được tầm quan trọng của việc gìn giữ và tái tạo môi trường sinh thái biển đảo đảm bảo cho cuộc sống sinh tồn của cộng đồng. Trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, các hộ gia đình đã cùng nhau quy

hoạch những cánh đồng thửa ruộng, đào và đắp những con kênh mương để đảm bảo nước tưới tiêu cho đồng ruộng. Trong hoạt động đánh bắt hải sản, họ cùng nhau tổ chức ra khơi, đến những vùng biển để cùng đánh bắt và bảo vệ nhau trước những rủi ro giông bão và cướp biển. Để bảo vệ môi trường và cảnh quan sinh thái ven biển, mỗi cộng đồng đã cùng nhau tham gia đắp đập, trồng các rừng cây xanh (cây thông, cây xương rồng,...) có tác dụng tránh sạt lở, chắn sóng biển, bảo vệ ruộng vườn và nhà cửa của cư dân, nhất là vùng ven biển đảo.

Tuy nhiên, trong bối cảnh chịu tác động mạnh của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, đồng thời bối cảnh mới hiện nay như suy thoái kinh tế toàn cầu, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, công nghệ thông tin, hội nhập văn hóa và tranh chấp biển đảo giữa các quốc gia, văn hóa cộng đồng của cư dân biển đảo Việt Nam đang đối diện trước những cơ hội và thách thức của sự thích ứng trong phát triển. Thực tế này tác động không nhỏ đến tâm lý, hành vi và tổ chức cuộc sống thường ngày mang tính cộng đồng của mỗi địa phương vùng biển đảo. Chẳng hạn, hiện tượng thời tiết khí hậu biển thay đổi thất thường, biển động, bão tố diễn biến thất thường hay tình trạng va chạm tàu thuyền, thu giữ ngư cụ của ngư dân cũng dẫn đến tâm lý hoang mang lo sợ khiến ngư dân biển đảo không dám ra khơi và bỏ nghề sinh kế truyền thống.

Trong khi đó, việc khai thác, sử dụng biển và hải đảo chưa hiệu quả, thiếu bền vững do khai thác tự phát, không tuân thủ kế hoạch biển đảo làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn lợi ích trong sử dụng đa ngành ở vùng ven biển và hải đảo. Chủ yếu, người dân vẫn khai thác biển dưới hình thức sản xuất và đầu tư nhỏ, sử dụng các công nghệ lạc hậu, thậm chí khai thác tận thu nguồn thủy hải sản. Họ vẫn chủ yếu phụ thuộc vào nguồn tài nguyên biển dưới dạng vật chất trong khi đó nguồn tài nguyên này đang dần giảm sút. Các tài nguyên dưới dạng phi vật chất ít được chú trọng hơn nên chưa tạo ra được các giá trị chức năng như: giá trị dịch vụ của các hệ thống sinh thái, vị thế của không gian biển, hải đảo, giá trị văn hoá biển. Điều này dẫn đến việc các ban ngành, địa phương và người dân lúng túng trong việc nên hay không nên sử dụng nguồn tài nguyên như thế nào và sẽ làm gì với nó.

Môi trường biển tiếp tục biến đổi theo chiều hướng xấu và bị đe dọa nghiêm trọng bởi các hoạt động phát triển kinh tế – xã hội của con người. Ngày càng có nhiều chất thải chưa qua xử lý từ các lưu vực sông và vùng ven biển được đổ ra biển, một số khu vực ven bờ bị ô nhiễm, hiện tượng thủy triều đỏ xuất hiện ngày càng nhiều với quy mô rộng. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang chịu tác động nặng nề của tình trạng biến đổi khí hậu và nước biển dâng, trước hết là vùng ven biển và các đảo nhỏ. Đa dạng sinh học biển và nguồn lợi thủy hải sản giảm sút. Nguồn lợi hải sản có xu hướng giảm dần về trữ lượng, sản lượng, kích thước cá đánh bắt. Đặc biệt, việc khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định có những tác động xấu ở cả trong lẫn ngoài vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia. Tình trạng này đang ảnh hưởng lớn đến sinh kế người dân, kinh tế thủy sản và ảnh hưởng đến sự hiện diện dân sự trên biển.

Kết quả khảo định tính tại các cộng đồng ven biển đảo ở Quảng Ninh, Quảng Nam và Cà Mau năm 2022 cũng cho thấy tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng xâm nhập mặn tràn vào một số khu ruộng do hạn hán thiếu nguồn nước ngọt nên người dân không thể tiếp tục trồng lúa và chuyển sang đào ao nuôi trồng thủy hải sản. Do thời tiết trên biển thay đổi, thường có sóng to, giông bão, thậm chí đánh bắt xa bờ va chạm với tàu thuyền nước ngoài và bị tịch thu ngư cụ nên các ngư dân đã không thể ra khơi thường xuyên. Hoạt động sinh kế truyền thống của nhiều hộ gia đình địa phương bị ảnh hưởng, không ít lao động và hộ gia đình bỏ nghề chuyển sang làm công nhân cho các khu công nghiệp hoặc kinh doanh, dịch vụ tự do, nghề nông ngư nghiệp bị ảnh hưởng không có điều kiện để phát triển sản xuất, điều kiện canh tác nông nghiệp bị hạn chế. Các sinh kế chính chịu những ảnh hưởng trực tiếp nhất là ngành thủy sản (đặc biệt là nuôi trồng), nông nghiệp, du lịch và vận tải biển. Phần lớn sinh kế ven biển Việt Nam đều dựa vào nông nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, là những sinh kế phụ thuộc nhiều vào khí hậu và nguồn nước. Các ảnh hưởng có thể gặp đó là mất đất canh tác vì ngập lụt; đất nông nghiệp bị thu hẹp vì xâm nhập mặn; nhiệt độ tăng, hạn hán kéo dài đã ảnh hưởng đến sinh trưởng, năng suất của

thời vụ gieo trồng; nguồn lợi thủy hải sản bị phân tán bởi môi trường sống của chúng bị ảnh hưởng;... Điều này sẽ trực tiếp tác động tới sự tham gia của thành viên trong gia đình, dòng họ, cộng đồng ở các làng xã ven biển đảo vốn phụ thuộc nhiều vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên thủy sản.

Nhìn chung, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và tranh chấp biển đảo giữa các quốc gia dẫn đến hoạt động sinh kế của cộng đồng cư dân biển đảo Việt Nam đang đối diện trước những cơ hội và thách thức của sự thích ứng trong phát triển. Thực tế phản ánh một sự đa dạng hóa về sinh kế của cộng đồng cư dân vùng biển đảo. Các mô hình sinh kế truyền thống tập trung vào ngư nghiệp (đánh bắt/khai thác và nuôi trồng thủy hải sản) và nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), tiểu thủ công nghiệp (chế biến thủy hải sản như nước mắm, mắm tôm, sơ chế các loại hải sản như cá khô, cá mực), v.v. đang ngày càng suy giảm vai trò và cơ cấu kinh tế, đặc biệt là số lượng nhân công cũng giảm theo. Các ngành nghề dịch vụ thương mại (buôn bán nhỏ), làm thuê (liên quan đến tất cả các hoạt động) và công nghiệp, xây dựng cũng sẽ ngày càng gia tăng trong bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa.

Thực tế cũng phản ánh phát triển sinh kế ngư nghiệp hiện nay, hoạt động đánh bắt và khai thác hải sản xa bờ chỉ tập trung vào một số ít hộ gia đình khá, họ mới có đủ tiềm lực đầu tư thuyền bè và ngư cụ để tiếp cận nguồn lợi xa bờ. Các hộ ngư dân nghèo khó tiếp cận được với nguồn lợi hải sản xa bờ do không đủ khả năng mua sắm phương tiện. Một số hộ tiếp cận với nguồn lợi ven bờ theo các hình thức đánh bắt và khai thác khác nhau như lặn mò tôm, vớt ốc, đánh cá lưới, vớt rong biển, các hình thức đánh cá, mực. Điều đáng quan tâm là nguồn sinh kế này đang ngày càng khó khăn vì nguồn tài nguyên đang cạn dần. Trong khi tiềm năng về nuôi trồng thủy sản cũng góp phần quan trọng trong kinh tế biển, tạo thu nhập, thay đổi sinh kế người dân tại vùng biển và hải đảo. Cộng đồng dân cư ở đây nhận thức được rằng sinh kế nuôi trồng thủy hải sản là nguồn sinh kế tiềm năng, bền vững. Xu hướng chung của các cộng đồng đặc biệt là ngư dân nghèo hướng tới đa dạng hoá thu nhập theo hướng nuôi trồng thủy hải sản (tôm, cá

lông, cá nước ngọt, ếch,...). Tiềm năng phát triển các sinh kế nông nghiệp ở đây là rất hạn chế bởi hầu hết các cộng đồng đều gặp phải những điều kiện khó khăn như hạn hán, thiếu nước, đất cát nghèo dinh dưỡng hoặc đất đai sản xuất nông nghiệp hạn chế về diện tích. Các sinh kế về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn chiếm tỉ lệ nhỏ ở cộng đồng người dân vùng biển và hải đảo. Thực tế khảo sát cho thấy, chỉ có một số ít cộng đồng còn duy trì nghề truyền thống như chế biến nước mắm, chế biến các sản phẩm truyền thống từ biển.

Có thể nói, thực tiễn trên không chỉ đe dọa sinh kế và đảm bảo môi trường sinh thái bền vững mà còn đang làm thay đổi các hình thức tổ chức sản xuất, phân công lao động, đặc biệt là mạng lưới và tính cố kết cộng đồng cư dân ven biển đảo. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, lao động, việc làm là tất yếu trong quá trình phát triển, những tác động nhanh và tiêu cực đến môi trường sinh thái và bản sắc văn hóa của mỗi cộng đồng ven biển là điều rất quan ngại bởi xu hướng đó có ảnh hưởng rất lớn đến an ninh trật tự, an toàn và phát triển bền vững. Đây là vấn đề cấp thiết đòi hỏi Việt Nam nhận thức và tiếp tục ban hành chủ trương, chính sách liên quan nhằm giúp cư dân biển đảo thích ứng với các tác động của bối cảnh mới nhằm giúp cộng đồng tiếp tục các hoạt động sản xuất, tăng cường khả năng chống chịu và giảm nhẹ rủi ro, giảm thiểu thiệt hại. Từ đó xây dựng cộng đồng cư dân biển đảo phát triển bền vững.

3.2. Thực trạng thích ứng văn hóa cộng đồng cư dân biển đảo trong cuộc sống thường ngày trong gìn giữ và phát huy các loại hình văn hóa vật thể, phi vật thể và phát triển du lịch biển đảo

Giá trị văn hóa là tài sản vô cùng quý giá trong quá trình phát triển toàn diện của mỗi cộng đồng, địa phương vùng biển đảo. Việt Nam luôn quan tâm bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa cộng đồng trong quá trình phát triển. Có thể thấy, các giá trị văn hóa truyền thống của cư dân biển đảo sớm xuất hiện và gắn bó lâu đời với hoạt động sinh kế, tổ chức đời sống, sinh hoạt văn hóa cộng đồng của mỗi địa phương; đồng thời cũng được lưu truyền và phát triển qua nhiều thế hệ ở cộng đồng vùng biển đảo nước ta. Sự đa dạng cộng đồng dân tộc sinh sống trải dài từ

Bắc vào Nam đã tạo nên bức tranh văn hóa đa sắc màu với các loại hình giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Các giá trị văn hóa tiêu biểu có thể kể đến như ẩm thực, công cụ sản xuất nông nghiệp, các nghề thủ công, hệ thống các di tích và danh thắng, nghi lễ và lễ hội, tri thức và tập quán liên quan đến cộng đồng cư dân biển đảo ở mỗi địa phương có bản sắc văn hóa truyền thống độc đáo, được truyền dạy và lưu truyền qua bao thế hệ với nhiều loại hình, mang bản sắc riêng, góp phần quan trọng vào quá trình thay đổi diện mạo của địa phương.

Tuy nhiên, thực tiễn phát triển những năm gần đây cho thấy, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể mang tính truyền thống của các cộng đồng đang phải đối mặt với nguy cơ bị biến mất hay ngày càng mai một, gặp khó khăn trong bảo tồn và phát huy, trong phát triển kinh tế, đặc biệt là du lịch do những tác động của bối cảnh mới (suy thoái kinh tế, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, công nghệ thông tin, toàn cầu hóa, hội nhập văn hóa và tranh chấp biển đảo giữa các quốc gia). Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình trao truyền, phát triển các hệ giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc và phát huy tính cộng đồng cư dân cũng như phát triển bền vững kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương.

Kết quả khảo sát định tính tại ba tỉnh Quảng Ninh, Quảng Nam và Cà Mau năm 2022 cũng cho thấy các loại hình văn hóa với sự tham gia của các thành viên trong cộng đồng vào việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy trong các hoạt động của đời sống xã hội cũng không còn được như trước. Chẳng hạn, hình thức văn hóa vật thể mang tính cộng đồng trong hoạt động sản xuất cũng không còn được thể nghiệm nhiều trong cuộc sống thường ngày của cư dân vùng biển đảo. Truyền thống nghề đánh bắt trên biển phát triển dẫn đến có nhiều làng nghề chuyên sản xuất các ngư cụ chài lưới, đóng thuyền, trong mỗi cộng đồng cũng có nhiều loại hình hộ gia đình cùng tham gia vào ngành nghề phục vụ hoạt động ngư nghiệp. Nhưng hiện nay, do nghề đánh bắt mưu sinh trên biển ngày càng khó khăn do cạn kiệt nguồn thủy hải sản ở ven bờ, thời tiết khí hậu biến động thất thường, va chạm tàu thuyền với các quốc gia láng giềng, v.v. dẫn đến nhiều hộ gia đình không còn theo đuổi các ngành nghề sản xuất ngư cụ mà chuyển sang các ngành nghề kinh

doanh, dịch vụ, thậm chí nhiều lao động tìm đường di cư đến các thành phố để mưu sinh. Tương tự, các món ăn ẩm thực truyền thống, sản phẩm thu hoạch từ biển được chính các thành viên trong cộng đồng cùng tham gia chế biến như muối, nước mắm, tôm cá khô,... cũng ngày càng mai một, thay vào đó là những món ăn từ mọi vùng miền, quốc gia khác nhau cũng xuất hiện ở những vùng biển đảo phát triển du lịch. Điều đáng quan tâm là các món ăn ẩm thực mới mẻ này không phải do các thành viên trong cộng đồng cùng chế biến mà được công ti bên ngoài sản xuất. Hơn thế, nhiều loại thực phẩm đóng hộp, đồ uống đóng chai (nước mắm, gia vị, đồ uống có cồn, nước giải khát,...) từ khắp nơi trên thế giới cũng xuất hiện tràn ngập ở các cửa hàng siêu thị tại địa phương. Do hoạt động khai thác thủy hải sản suy giảm dần dần đến các nghề thủ công truyền thống sản xuất ra các dụng cụ phục vụ hoạt động nông nghiệp, đánh bắt thủy hải sản ở các cộng đồng cư dân ngày càng mai một. Các cơ sở chế biến thực phẩm là ẩm thực đặc trưng của vùng biển đảo như nước mắm, tôm cá khô cũng ngày càng giảm. Trong mỗi cộng đồng chỉ còn một vài hộ gia đình hoặc cơ sở sản xuất nhỏ còn gắn bó với nghề truyền thống nhưng hoạt động thất thường do thiếu nguồn nguyên liệu. Các loại hình sinh hoạt văn hóa cộng đồng bao gồm các trò chơi dân gian, văn nghệ truyền thống với sự tham gia của các thành viên gia đình, xóm làng cũng ngày càng ít cơ hội được cùng nhau trải nghiệm. Trong bối cảnh mở cửa và hội nhập ngày càng sâu rộng, nhiều loại hình vui chơi giải trí như game online, các bài hát hay với ca sĩ nổi tiếng có sẵn trên mạng, mỗi thành viên từ trẻ em đến người lớn chỉ cần chiếc điện thoại thông minh có thể thưởng thức cả ngày không thấy mệt mỏi. Chính vì vậy, không ít thành viên trong cộng đồng, nhất là giới trẻ đã mê mẩn và nghiện loại hình vui chơi giải trí online, tự mình giam hãm trong một không gian riêng, dành nhiều thời gian mỗi ngày để vào mạng và dần quên lãng các công việc mang tính cộng đồng trong gia đình, làng xóm. Trước đây, các hoạt động văn hóa, văn nghệ tổ chức dịp lễ hội, đám cưới, hội nghị của địa phương được một số thành viên trong cộng đồng tập luyện nhiều ngày để biểu diễn thì ngày nay, thay vào đó là cộng đồng đóng tiền hoặc chính quyền đứng ra thuê dịch vụ biểu diễn văn nghệ.

Rõ ràng là sự thay đổi của đời sống kinh tế – xã hội, đặc biệt là các hoạt động tổ chức sản xuất, các hoạt động văn hóa, văn nghệ truyền thống ngày càng mang tính dịch vụ hóa và giảm đi vai trò tham gia của các thành viên trong gia đình, cộng đồng cư dân biển đảo. Đặc biệt, trong bối cảnh mới (suy thoái kinh tế, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, công nghệ thông tin, toàn cầu hóa, hội nhập văn hóa và tranh chấp biển đảo giữa các quốc gia) cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình trao truyền phát triển hệ các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc và phát huy tính cộng đồng cư dân cũng như phát triển bền vững văn hóa của mỗi địa phương.

4. KẾT LUẬN

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, xung đột, suy thoái kinh tế toàn cầu đang ảnh hưởng rất lớn đến sinh kế của ngư dân biển đảo Việt Nam. Đáng quan tâm là thực tế này không chỉ tác động đến công ăn việc làm hằng ngày của cư dân các địa phương vùng biển đảo mà còn giảm đi các kết nối mang tính mạng lưới cộng đồng, các sinh hoạt văn hóa gia đình, xóm làng cư dân biển đảo.

Biến đổi khí hậu, dịch bệnh theo chiều hướng tiêu cực (thời tiết thay đổi có xu hướng tăng cường các cơn bão và mạnh dần, nắng nóng, hạn hán và triều cường thất thường, các loại dịch bệnh) đang diễn ra ở các tỉnh vùng biển đảo và có ảnh hưởng rõ rệt đến các hoạt động sinh kế và đời sống văn hóa của các cộng đồng dân cư biển đảo.

Phát triển công nghệ thông tin, hội nhập văn hóa toàn cầu diễn ra sâu rộng và phát triển dịch vụ trong đời sống xã hội một mặt đem đến tiện ích và hiện đại hóa xã hội nhưng mặt khác nó cũng đang tác động sâu sắc đến hành vi ứng xử của mỗi cá nhân và cộng đồng theo hướng cá nhân hóa.

Văn hóa nói chung và văn hóa cộng đồng cư dân biển đảo nói riêng sẽ tuân thủ quy luật thích ứng và biến đổi. Quá trình biến đổi đó luôn trong sự giằng co, mâu thuẫn nhưng cũng là động lực của cải biến phát triển theo hướng hiện đại và tiến bộ. Cả nền cộng đồng văn hóa hay một số thành tố văn hóa cộng đồng cấu thành sẽ thay đổi theo thời gian, phù hợp với điều kiện thực tiễn mới. Thực tiễn phản ánh các chiều hướng biến đổi văn hóa cộng đồng truyền thống tất yếu xảy ra trong quá trình phát triển:

Một là, mở cửa, hội nhập, giao lưu tạo cơ hội cho các hiện tượng và giá trị văn hóa mới thâm nhập, thấm thấu vào các hoạt động của đời sống con người.

Hai là, trong quá trình chuyển đổi, nhất là thực tiễn phát triển quá nhanh, thậm chí những biến cố mới của đời sống như biến đổi khí hậu, hay dịch bệnh (Covid-19) vừa qua có thể làm đứt gãy giá trị văn hóa cộng đồng giữa truyền thống và hiện tại trong quá trình sinh tồn, sự thay đổi văn hóa cộng đồng có thể diễn ra một cách không bình thường, không có kế thừa và phát triển, không có tiếp thu và loại bỏ mà thường là sự đan xen giữa cái cũ và cái mới, không tạo nên sự liên kết hữu cơ giữa chúng với nhau, cái cũ mất đi nhưng cái mới chưa hình thành hoặc hình thành chưa rõ nét, tạo nên sự hụt hẫng trong đời sống văn hóa và hệ quả thường là đời sống văn hóa của con người trong cuộc bị suy kiệt và trở nên nghèo nàn.

Ba là, khuynh hướng đồng hóa tự nhiên về văn hóa là quá trình tiếp xúc, giao lưu, ảnh hưởng văn hóa tự nhiên giữa các dân tộc, thường là các dân tộc có dân số lớn, trình độ phát triển kinh tế – xã hội, văn hóa cao hơn các dân tộc hay nhóm nhỏ các dân tộc láng giềng... dẫn đến tình trạng dân tộc hay nhóm dân tộc tiếp thu văn hóa của dân tộc và nhóm có trình độ phát triển cao hơn, do đó có thể bị đồng hóa một phần hay hoàn toàn vào dân tộc lớn hơn và tự coi mình là thành viên của dân tộc ấy.

Rõ ràng là quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, suy thoái kinh tế toàn cầu, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, công nghệ thông tin, phát triển dịch vụ, hội nhập văn hóa toàn cầu, tranh chấp biển đảo giữa các quốc gia... đang tác động mạnh mẽ đến tính cộng đồng của cư dân biển đảo. Điều đáng quan tâm là thực tế này đang làm xói mòn và làm giảm đi tính cộng đồng của cư dân, bản sắc truyền thống của mỗi cộng đồng trong hoạt động sản xuất, tổ chức xã hội và hoạt động văn hóa ở cộng đồng vùng biển đảo đang biến chuyển theo nhiều xu hướng và sắc thái khác nhau. Tất nhiên, tính cộng đồng và bản sắc văn hóa cộng đồng vùng biển đảo Việt Nam chưa hoàn toàn biến mất nhưng đang trong quá trình chuyển đổi sắc thái để thích ứng, đặc biệt là đang phải đối diện trước những cơ hội và thách thức của sự thích ứng phát triển trong bối cảnh mới. Đáng quan tâm là thực tế này đã và đang tác động mạnh đến tâm lý, hành vi và tổ

chức cuộc sống thường ngày mang tính cộng đồng, nhất là liên quan đến ổn định phát triển bền vững kinh tế – xã hội, văn hóa và môi trường sinh thái của mỗi địa phương vùng biển đảo.

Nhận thức thực tiễn đang diễn ra hiện nay, Đảng và Nhà nước ta luôn rất quan tâm đến phát triển vùng biển đảo. Trong Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đảng đã chỉ rõ hướng phát triển bền vững kinh tế biển cả về môi trường và sinh kế của người dân. Phát triển kinh tế biển: Phát triển bền vững kinh tế biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo... (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2018). Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định kinh tế biển là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để đến năm 2030, đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (Đảng cộng sản Việt Nam, 2021). Đặc biệt, Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ ban hành ngày 28/01/2022 cũng quan tâm đến phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh, quốc phòng... (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là quan điểm và chính sách chưa đề cập sâu và có giải pháp triệt để nhằm gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa cộng đồng, đặc biệt là bản sắc cộng đồng cư dân biển đảo trong quá trình hội nhập phát triển. Đây vẫn là khoảng trống còn đang bỏ ngỏ cần nghiên cứu để đưa ra nhận thức mới và từ đó đề xuất giải pháp gìn giữ cũng như phát huy giá trị văn hóa cộng đồng phù hợp với xu hướng thời đại mới và thực tiễn phát triển bền vững kinh tế – xã hội, văn hóa, môi trường sinh thái ở các cộng đồng cư dân vùng biển đảo nước ta trong bối cảnh mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Thị Kim Chi. (2022). Bàn thêm về văn hóa cộng đồng. *Tap chí Văn hóa Nghệ thuật*, 509.
Đảng Cộng sản Việt Nam. (2018). *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* (Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII).

Đảng cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

Đỗ Long & Trần Hiệp. (2000). *Tâm lí cộng đồng làng xã và di sản Hà Nội*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

Mai Văn Hai. (2000). *Quan hệ dòng họ ở châu thổ sông Hồng Hà Nội*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

Nguyễn Đức Chiện. (2015). Liên kết mạng lưới trong phát triển kinh tế hộ gia đình nông thôn hiện nay: Phác thảo từ kết quả nghiên cứu định tính tại hai xã ở đồng bằng sông Hồng. *Tap chí Xã hội học*, 4.

Nguyễn Đức Chiện. (2019). *Xung đột cộng đồng và hướng giải pháp quản lí phát triển bền vững*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.

Nguyễn Đức Chiện. (30/11/2021). *Phát huy vai trò của các cộng đồng trong phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam hiện nay*. *Tap chí Cộng sản*. Truy cập ngày 01/7/2023, từ <https://www.tapchi-congsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/824388/phan-huy-vai-tro-cua-cac-cong-%C4%91ong-trong-phong-%2C-chong-dich-benh-covid-19-o-viet-nam-hien-nay.aspx>

Nguyễn Hồng Phong. (1978). Di sản làng xã trước Cách mạng Xã hội chủ nghĩa. Trong Viện Sử học, *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử* (tr 452–502). Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

Nguyễn Văn Huyền. (2003). *Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam: Tập 2*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

Phan Đại Doãn. (2006). Làng Việt Nam – cộng đồng đa chức năng liên kết chặt chẽ. Trong *Làng Việt Nam, đa nguyên và chặt* (tr 7). Hà Nội: Nxb Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050* (Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022).

Trần Đình Hượu. (1996). *Đến hiện đại từ truyền thống*. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.

Trần Ngọc Thêm. (2001). *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh*. Hà Nội: Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.